

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **303/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 25-4-2022

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Tuyết Hằng

2. Ông Vũ Huy Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 17/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/01/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/4/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. (Bà D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông **Đoàn Trú P**, sinh năm: 1975; Địa chỉ: F1/69W đường Q, ấp 6, xã V, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Ông P vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 15/12/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Bà và ông Đoàn Trú P tự nguyện chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân Phường Y, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/3/2010. Trong quá trình vợ chồng chung sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông P thường hay nhậu nhẹt, có khi về đánh bà. Vì vậy, bà phải về quê Q sinh sống, bà và ông P ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đoàn Trú P.

Về con chung, bà và ông P chung sống không có con chung.

Về tài sản chung, bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho ông Đoàn Trúc P gồm: thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Đoàn Trúc P vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào.

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh luận của các bên đương sự thì xét thấy thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Đoàn Trúc Phương, theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã V, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Đoàn Trúc P thực tế đang cư trú tại địa chỉ F1/69W đường Q ấp 6, xã V, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn ông Đoàn Trúc P, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho ông Đoàn Trúc P nhưng ông P vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 43 do Ủy ban nhân dân Phường Y, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/3/2010 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông P là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9, Điều 11 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[5] Theo trình bày của bà D xác định giữa bà và ông P phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, ông P hay nhậu nhẹt, bạo lực. Bà và ông P

sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Vì vậy, bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông P. Còn ông P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến, yêu cầu về các yêu cầu khởi kiện của bà D.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, theo kết quả trả lời xác minh Ủy ban nhân dân xã V, huyện C tại Công văn số 866/UBND ngày 09/3/2022 xác nhận cả hai không hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân. Đồng thời, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì ông P vắng mặt, như vậy, mâu thuẫn giữa bà D và ông P là có diễn ra. Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà D và ông P đã không đạt được, đời sống chung giữa hai vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài. Do đó, bà D yêu cầu ly hôn đối với ông P là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về con chung: Bà D xác nhận giữa bà và ông P chung sống không có con chung, do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[8] Về tài sản chung: Bà D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông P vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về tài sản chung giữa ông và bà D. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề tài sản chung theo yêu cầu của bà D, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[9] Về nợ chung: Bà D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông P vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về nợ chung giữa ông và bà D. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề nợ chung theo yêu cầu của bà D, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[11] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 179, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D đối với bị đơn ông Đoàn Trức P về việc tranh chấp ly hôn.

1.1 Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với ông Đoàn Trức P. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Đoàn Trức P chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 43 do Ủy ban nhân dân Phường Y, quận T, Thành phố Hồ

Chí Minh cấp ngày 10/3/2010 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc D xác nhận không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết.

1.3 Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết; trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

1.4 Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết; trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà D đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0040359 ngày 28/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đầy đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND H. C (2);
- Chi cục THADS H. C (1);
- UBND Phường Y, quận T,
Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ, VP (3).

Trần Thị Hồng Cẩm

